

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

| | |
|--|--|
| - Tên quỹ: | Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt Viết tắt: BVFED |
| - Loại hình quỹ: | Quỹ mở |
| - Mục tiêu đầu tư: | Tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng vốn đầu tư và các dòng thu nhập từ tài sản đầu tư |
| - Thời gian hoạt động: | Không giới hạn |
| - Benchmark: | Chỉ số VN30 (chỉ số tham chiếu để đánh giá nội bộ từ 29/10/2014) |
| - Chính sách phân chia lợi nhuận: | Lợi nhuận có thể được phân chia dưới hình thức bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư). |
| - Số lượng đơn vị quỹ: | 6.103.854,20 (thời điểm 30/06/2022) |
| - Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: | Cập nhật các thông tin theo quy định Pháp luật hiện hành |
| - Nội dung nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: | Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2022: - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 - Thông qua việc không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 cho Nhà đầu tư |



| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt Ngân sách hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ năm 2022 - Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán trong tờ trình của BVF và lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ BVFED năm 2022. - Thông qua dự thảo điều lệ quỹ sửa đổi. |
| - Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại TT hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: | Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. |

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

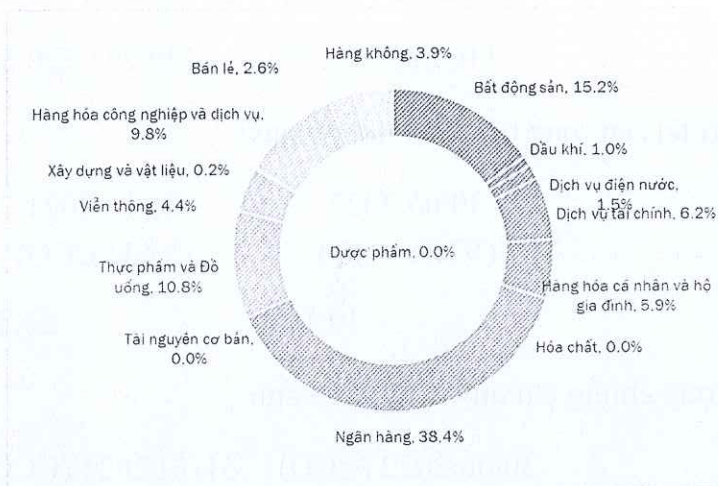
- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (*tính theo tổng giá trị danh mục đầu tư*):

❖ Theo tài sản:

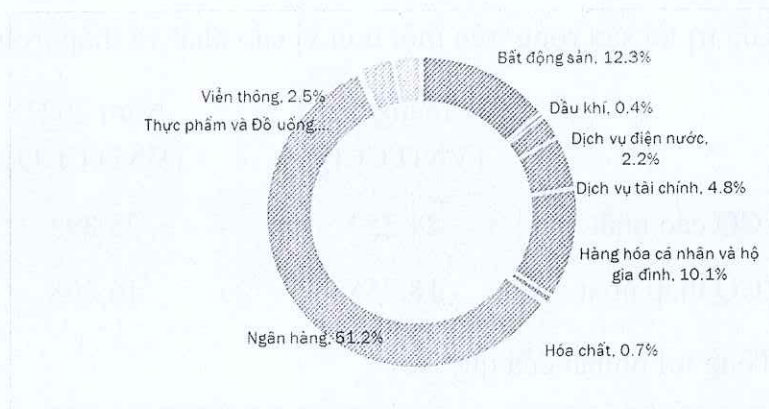
| Cơ cấu tài sản Quỹ | 30/06/2022 (%) | 31/12/2021 (%) | 31/12/2020 (%) |
|---|----------------|----------------|----------------|
| Cổ phiếu | 91,25 | 92,06 | 73,39 |
| Chứng khoán khác | 0,13% | 0 | 0 |
| Tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn | 8,41 | 7,77 | 26,28 |
| Tài sản khác | 0,21 | 0,17 | 0,33 |
| Tổng cộng | 100,00 | 100,00 | 100,00 |

❖ Theo ngành (tính theo tổng giá trị danh mục đầu tư):

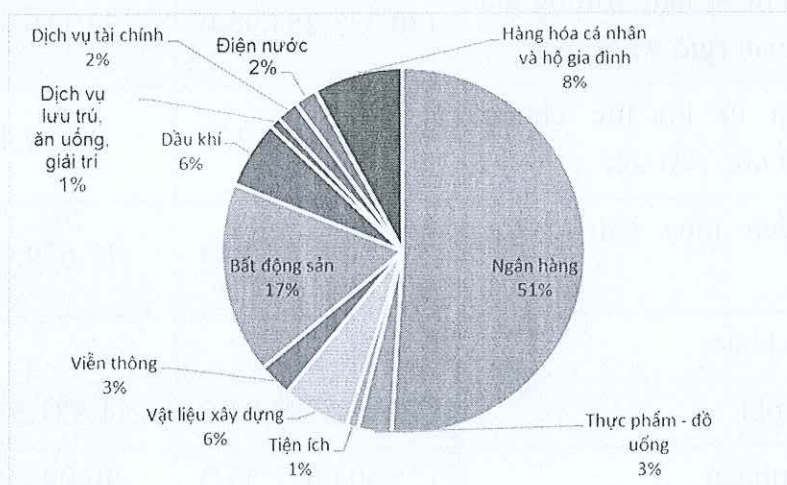
Tại 31/12/2020



Tại 31/12/2021



Tại 30/06/2022



- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

| | 30/06/2022 (VNĐ) | 31/12/2021 (VNĐ) | 31/12/2020 (VNĐ) |
|-------|------------------|------------------|------------------|
| GTTSR | 116.883.074.599 | 140.294.590.547 | 93.979.440.104 |

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ:

| | 30/06/2022 (VNĐ/CCQ) | 31/12/2021 (VNĐ/CCQ) | 31/12/2020 (VNĐ/CCQ) |
|-----------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| GTTSR/CCQ | 19.149 | 23.332 | 16.453 |

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

| | 30/06/2022 (CCQ) | 31/12/2021 (CCQ) | 31/12/2020 (CCQ) |
|--------|------------------|------------------|------------------|
| Số CCQ | 6.103.854,20 | 6.012.832,07 | 5.711.993,88 |

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất và thấp trong năm:

| | 06 tháng/2022 (VNĐ/CCQ) | Năm 2021 (VNĐ/CCQ) | Năm 2020 (VNĐ/CCQ) |
|---------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| GTTSR/CCQ cao nhất | 24.252 | 23.893 | 16.453 |
| GTTSR/CCQ thấp nhất | 18.755 | 16.308 | 10.238 |

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

| Chỉ tiêu | 06 tháng/2022 (VNĐ) | Năm 2021 (VNĐ) | Năm 2020 (VNĐ) |
|---|------------------------|-------------------|-------------------|
| Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (<i>giá trị lãi vốn</i>) | (30.333.253.969) | 23.116.927.363 | 11.919.332.268 |
| Thu nhập từ lợi tức chứng khoán (<i>cổ tức, tiền gửi...</i>) | 831.897.373 | 1.280.453.011 | 1.344.749.564 |
| Chênh lệch mua bán chứng khoán | 5.019.017.969 | 17.679.093.147 | (365.262.148) |
| Thu nhập khác | - | - | 0 |
| Tổng chi phí | (1.022.288.930) | (1.981.513.008) | (1.373.039.873) |
| Tổng lợi nhuận | (25.504.627.557) | 40.094.960.513 | 11.525.779.811 |

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (*giá trị thuần và giá trị gộp*) trong kỳ báo cáo: không có. Năm 2018 lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ là 1.100 VNĐ trên một chứng chỉ quỹ (Tổng lợi nhuận đã phân phối: 7.736.769.271 VNĐ)
- Thời điểm phân chia lợi nhuận trong kỳ báo cáo: không có. Thời điểm phân chia lợi nhuận trong 03 năm gần nhất như sau:

| | |
|------------------------------------|------------|
| Thời gian chốt danh sách thực hiện | 16/04/2018 |
| Thời gian thực hiện | 15/05/2018 |

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận trong 03 năm gần nhất:

| | |
|--|----------------|
| GTTSR tại kỳ định giá ngày 12/04/2018 (<i>trước khi ghi nhận giá trị lợi nhuận được phân chia</i>) | 18.971 VNĐ/CCQ |
| GTTSR tại kỳ định giá ngày 19/04/2018 (<i>sau khi ghi nhận giá trị lợi nhuận được phân chia</i>) | 17.932 VNĐ/CCQ |

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

| | |
|------------------------------------|-------|
| Tỷ lệ chi phí cuối quý IV năm 2021 | 1,63% |
| Tỷ lệ chi phí cuối quý II năm 2022 | 1,52% |

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

| | |
|--|-------|
| Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý IV năm 2021 | 57,90 |
| Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II năm 2022 | 61,12 |

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/ reverse repo: không có

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

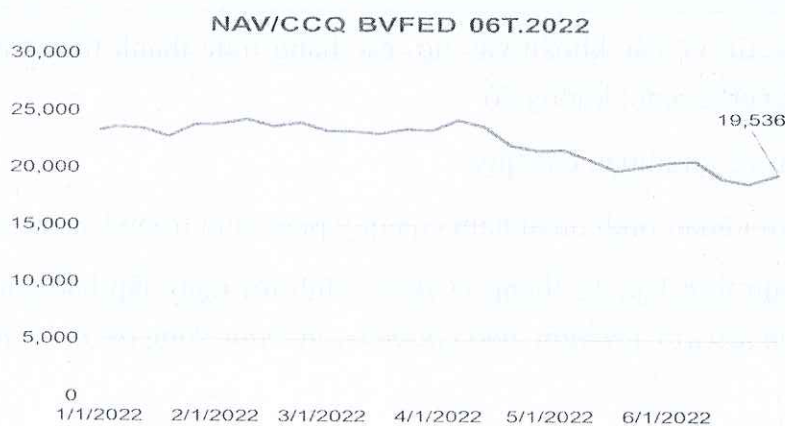
Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- Trong thời hạn 12 tháng (*1 năm*), tính tới ngày lập báo cáo (*hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm*): -19,14 tỷ VNĐ.

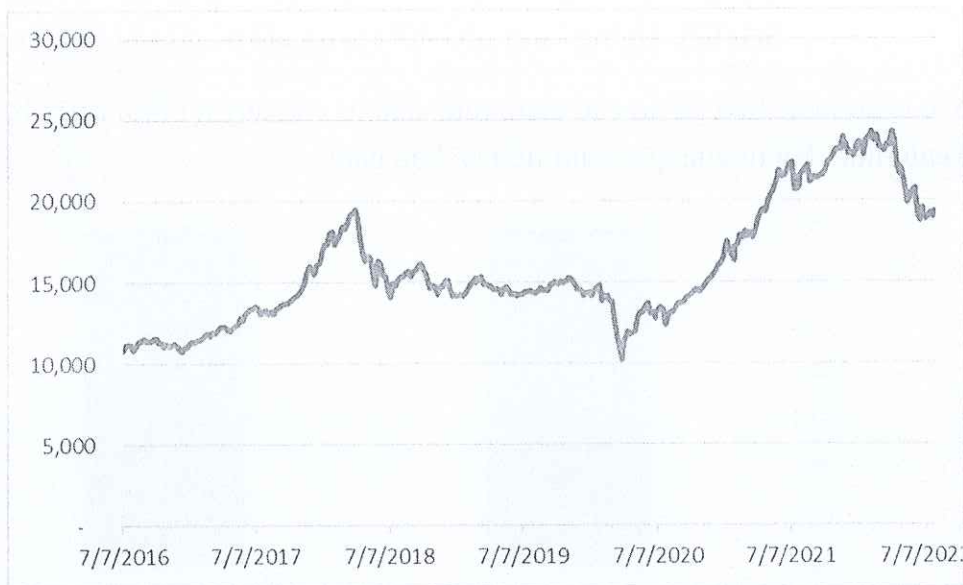
- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): 9,80 tỷ VND.
 - Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): 4,76 tỷ VND.
- c. Các chỉ tiêu so sánh khác:
- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Trụ sở chính.
 - Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.
- d. Báo cáo khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.
- b. Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Trong 06 tháng đầu năm 2022, quỹ ghi nhận mức tăng trưởng -16,3%, cao hơn 0,6% so với tăng trưởng của benchmark – chỉ số VN30 là -16,9%.
- c. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong kỳ báo cáo (bằng đồ thị):



- d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):



- e. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo:

Chiến lược đầu tư Core & Satellite

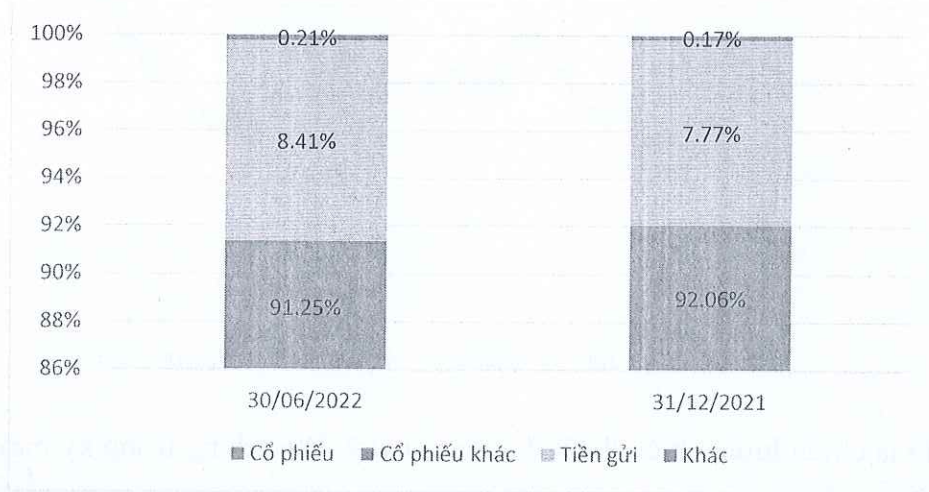
Mô tả

Danh mục đầu tư cổ phiếu được chia thành 02 phần:

- Phần cơ sở: Rổ Cổ phiếu VN30 (trừ cổ phiếu của người có liên quan tới Công ty Quản lý Quỹ theo quy định); chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- Phần gia tăng: Các cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, được lựa chọn trên cơ sở phân tích, đánh giá những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp, thuộc các nhóm như cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng bền vững, cổ phiếu có khả năng tăng trưởng vượt trội theo từng chu kỳ phát triển của nền kinh tế, cổ phiếu có thị giá hấp dẫn so với giá trị định giá của Công ty Quản lý quỹ, có khả năng chi trả cổ tức tốt... Các cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Các cổ phiếu thuộc Phần gia tăng phải đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty Quản lý quỹ về tính thanh khoản.

Căn cứ điều kiện thị trường, Công ty Quản lý Quỹ sẽ xác định tỷ trọng giữa phần cơ sở và phần gia tăng theo hướng đảm bảo hiệu quả đầu tư và giới hạn rủi ro ở mức cho phép. Cơ cấu của phần Satellite không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

- f. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề báo cáo:



- g. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (*sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có*): không có
- h. Đánh giá biến động của thị trường:

Kinh tế vĩ mô:

- Kết quả vĩ mô trong 1H/2022 cho thấy sự hồi phục rất tích cực của kinh tế Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp.
- Nhìn chung, rủi ro lớn nhất đối với nền kinh tế Việt Nam đến từ các yếu tố mang tính quốc tế như (1) sự giảm tốc của kinh tế thế giới do ảnh hưởng của quá trình thắt chặt chính sách tiền tệ (2) lạm phát cao có khả năng kéo dài, (3) sự đứt gãy của chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt từ Trung Quốc. Như vậy, rủi ro có thể phát sinh đối với nền kinh tế Việt Nam bao gồm: (1) hoạt động xuất khẩu giảm tốc, (2) lạm phát trong nước vượt ngưỡng kiểm soát, (3) thu hút vốn FDI bị ảnh hưởng.

Thị trường tiền tệ:

- Sau nhịp tăng mạnh trong Quý I/2022, lãi suất VNIBOR các kỳ hạn ngắn (từ 06 tháng trở xuống) vận động khá ổn định ở mặt bằng mới trong Quý II/2022 (riêng lãi suất overnight giảm mạnh về mặt bằng năm 2021 trong nửa cuối Quý

II/2022), trong khi đó lãi suất VNIBOR các kỳ hạn dài vẫn duy trì ở mặt bằng thấp tương đương với năm 2021. Trong nửa cuối tháng 06/2022, SBV thậm chí còn thực hiện trở lại việc phát hành tín phiếu trên thị trường mở sau 02 năm tạm dừng để điều tiết thanh khoản của NHTM đồng thời hỗ trợ tỷ giá USD/VND. Như vậy, về tổng thể, thanh khoản của hệ thống NHTM ở thời điểm hiện tại mặc dù đã giảm bớt nhưng vẫn có sự dồi dào nhất định.

- Trong 1H/2022, mặt bằng lãi suất tiền gửi tăng liên tục từng tháng nhưng ở mức độ vừa phải. So với thời điểm cuối năm 2021, mặt bằng lãi suất các kỳ hạn của các NHTM lớn đã tăng bình quân khoảng 20 – 25 bps, đối với các NHTM nhỏ - trung bình là khoảng 30 – 40 bps.

Thị trường trái phiếu:

- Thị trường sơ cấp: Giá trị trúng thầu TPCP trong Quý II/2022 ở mức khá thấp so với Quý I/2022. Trong khi mặt bằng lãi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đã tăng khá mạnh, lãi suất TPCP trên thị trường sơ cấp biến động nhẹ hơn và tạo ra sự chênh lệch đáng kể về lãi suất giữa 02 thị trường. Tính đến hết tháng 06/2022, có 69.047 tỷ đồng TPCP được phát hành, tương đương với 17,3% kế hoạch phát hành năm 2022 và 23% kế hoạch phát hành Quý II/2022.
- Thị trường thứ cấp: Lãi suất TPCP các kỳ hạn hình thành xu hướng tăng rõ nét trong Quý II/2022. Tại thời điểm cuối tháng 06/2022, mặt bằng lãi suất TPCP các kỳ hạn đã tương đương với mặt bằng lãi suất TPCP trong Quý IV/2019 – Quý I/2020, thời điểm dịch Covid-19 bắt đầu bùng phát trên phạm vi toàn thế giới. NĐTNN có xu hướng bán ròng trên thị trường thứ cấp trong 1H/2022. Theo số liệu tham khảo, giá trị bán ròng của NĐTNN ước tính khoảng 426 tỷ đồng trong Quý I/2022, 2.256 tỷ đồng trong Quý II/2022.

Thị trường cổ phiếu:

- Tại thời điểm 30/06/2022, P/E của chỉ số VNI là 13.04, thấp hơn so với mức trung bình trong giai đoạn 2016 - 2021 (Max: ~22, Min: ~ 11, trung bình 16.2).
- Do TTCP sụt giảm mạnh, TTCP của Việt Nam đã quay trở lại nhóm hấp dẫn nhất so với các TTCP khác trong khu vực Asean xét theo tiêu chí phổ thông P/E.

Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với loại tài sản là cổ phiếu:

| TT | Chỉ tiêu | Số tiền |
|----|--------------------------|---------------|
| 1 | Cổ tức được chia | 712.690.000 |
| 2 | Lãi bán các khoản đầu tư | 5.019.017.969 |

| | | |
|---|--|-----------------|
| 3 | Chênh lệch tăng/giảm đối với các khoản đầu tư chưa thực hiện | -30.333.253.969 |
| 4 | Thu nhập khác | 0 |
| 5 | Chi phí giao dịch mua/bán cổ phiếu | 104.329.725 |

- i. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có): không có.
- j. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có.
- k. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): không có.
- l. Các thông tin khác (nếu có): không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): không có
- b. Việc lưu ký tài sản của quỹ: đáp ứng các yêu cầu.
- c. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch:
 - Do biến động giá thị trường của các cổ phiếu trong danh mục của Quỹ, Quỹ đã có 17 kỳ định giá có tỷ lệ tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ vượt quá hạn mức tối đa 40% quy định tại khoản 1.d, điều 11 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.e, điều 35 của Thông tư 98/2020/TT-BTC. Ngân hàng Giám sát đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo tới Công ty Quản lý Quỹ sau những lần phát hiện vi phạm và kiến nghị Công ty có những biện pháp điều chỉnh để khắc phục vi phạm. Sau đó giữa các kỳ đan xen, tỷ lệ đầu tư lớn đã được điều chỉnh về đúng tỷ lệ trong khoản thời gian cho phép theo đúng quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC.
- d. Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.
- e. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.
 - Chi tiết về việc phát hành CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2021

6.012.832,07 CCQ

| | |
|---|------------------|
| Tổng số chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ | 231.244,22 CCQ |
| Tổng số chứng Quỹ mua lại trong kỳ | 140.222,09 CCQ |
| Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2022 | 6.103.854,20 CCQ |

- f. Việc phân chia lợi nhuận của quỹ phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ báo cáo.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

- a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

| Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022) | Số tiền hoặc tỷ lệ |
|---|--------------------|
| % Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận | -0,65% |
| % Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập | -0,67% |
| % Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí | 16,15% |

- b. Các ảnh hưởng (*nếu có*) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có.

- c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (*trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ*): Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ.

| Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022) | Số tiền |
|---|-------------|
| Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ) | 165.146.429 |
| Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (VNĐ) | 67.100.000 |
| Chi phí trả cho NH LKGS (VNĐ) | 98.046.429 |

- d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD). Dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ được ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (JSI).

